

**SƠ ĐỒ PHÒNG THI TUYỂN SINH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020**

Ngày thi	Đối tượng	Địa điểm	Môn thi	Số lượng	Chuyên ngành		
Thứ ba	Bác sĩ nội trú	7A	Tiếng Anh	100	Hệ nội(100)		
		7B		101	Hệ ngoại(101)		
		7C		67	Hệ ngoại(35)	Y học cổ truyền.(10)	Răng - Hàm - Mặt.(22)
		7D		53	Hệ nội(47)		Giải phẫu bệnh(6)
	Chuyên khoa cấp II	4C	Tiếng Anh	89	Lão khoa.(3)	Gây mê hồi sức.(2)	Nội tiêu hóa(3)
					Nội hô hấp(2)	Nội thận - tiết niệu(4)	Nội tim mạch(6)
		Nội tiết.(4)	Hồi sức cấp cứu.(6)	Nhi - Sơ sinh.(4)			
	4D	Tiếng Anh	89	Nhi - Tiêu hóa.(3)	Nhi - Hô hấp.(1)	Nhi - Hồi sức(6)	
				Y học gia đình.(2)	Y học cổ truyền.(5)	Truyền nhiễm.(1)	
				Ung thư.(4)	Mũi họng(3)	X quang(2)	
				Siêu âm(1)	Quản lý y tế(2)	Tâm thần.(1)	
				Nhi: Huyết học - Ung bướu(2)	Da liễu.(3)	Giải phẫu bệnh.(2)	
Huyết học.(1)				Lao.(7)			
Thần kinh.(2)				Tổ chức Quản lý dược(7)			
Tiếng Pháp	1	Lão khoa.(1)					
4D	Tiếng Anh	89	Ngoại khoa.(10)	Ngoại - nhi.(2)	Ngoại - lồng ngực.(6)		
			Ngoại thần kinh - sọ não.(5)	Ngoại thận và tiết niệu.(7)	Chấn thương chỉnh hình.(13)		
			Nhãn khoa.(9)	Sản phụ khoa.(24)	Răng - Hàm - Mặt(13)		

**06/10/2020**  
**Từ 12 giờ 30**  
**đến 15 giờ 30**

<b>Thạc sĩ</b>	<b>4A</b>	<b>Tiếng Anh</b>	<b>76</b>	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(40)	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(28)	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(8)	
	<b>4B</b>		<b>81</b>	Giải phẫu bệnh.(5) Sinh lý học.(1) Y học cổ truyền.(21)	Mô phôi.(1) Y học dự phòng.(21) Giải phẫu học.(2)	Hóa sinh.(5) Y tế công cộng.(25)	
	<b>5A</b>		<b>118</b>	Dược lý và dược lâm sàng(118)			
	<b>5B</b>		<b>115</b>	Nội khoa.(51)	Da liễu.(64)		
			<b>Tiếng Pháp</b>	<b>1</b>	Da liễu.(1)		
	<b>5C</b>	<b>Tiếng Anh</b>	<b>76</b>	Lão khoa.(17) Tâm thần.(4) Truyền nhiễm.(7)	Huyết học và truyền máu.(10) Gây mê hồi sức.(12) Lao.(5)	Thần kinh.(10) Nội tiết.(11)	
	<b>5D</b>		<b>72</b>	Dược liệu - Dược học cổ truyền(16)		Tổ chức Quản lý dược(56)	
	<b>6A</b>		<b>106</b>	Điều dưỡng(54)		Kỹ thuật xét nghiệm y học(52)	
	<b>6B</b>		<b>117</b>	Tai - Mũi - Họng.(35) Răng - Hàm - Mặt(27)	Nhi khoa.(26)	Nhãn khoa.(29)	
	<b>6C</b>		<b>96</b>	Ngoại khoa.(23) Ngoại thần kinh - sọ não.(11)	Ngoại - nhi.(6) Ngoại thận và tiết niệu.(13)	Ngoại - lồng ngực.(12) Chấn thương chỉnh hình.(31)	
	<b>6D</b>		<b>87</b>	Sân phụ khoa.(51)		Chẩn đoán hình ảnh.(24) Ung thư.(12)	

	<b>Bác sĩ nội trú</b>	<b>7A</b>	<b>Môn 3 (Nội khoa)</b>	<b>120</b>	Hệ nội(120)	
		<b>7B</b>	<b>Môn 3 (Ngoại khoa)</b>	<b>135</b>	Hệ ngoại(135)	
		<b>7C</b>	<b>Môn 3 (Lý luận YHCT)</b>	<b>16</b>	Y học cổ truyền.(16)	
			<b>Môn 3 (Nha khoa)</b>	<b>24</b>	Răng - Hàm - Mặt.(24)	
			<b>Môn 3 (Ngoại khoa)</b>	<b>56</b>	Hệ ngoại(56)	
	<b>7D</b>	<b>Môn 3 (Nội khoa)</b>	<b>82</b>	Hệ nội(75)	Giải phẫu bệnh(7)	
	<b>Chuyên khoa cấp II</b>	<b>6C</b>	<b>Chẩn đoán hình ảnh</b>	<b>5</b>	X quang(2)	Siêu âm(3)
			<b>Chấn thương chỉnh hình</b>	<b>15</b>	Chấn thương chỉnh hình.(15)	
			<b>Giải phẫu bệnh</b>	<b>3</b>	Giải phẫu bệnh.(3)	
			<b>Ngoại khoa</b>	<b>12</b>	Ngoại khoa.(12)	
			<b>Ngoại lồng ngực</b>	<b>7</b>	Ngoại - lồng ngực.(7)	
			<b>Ngoại nhi</b>	<b>2</b>	Ngoại - nhi.(2)	
			<b>Ngoại niệu</b>	<b>7</b>	Ngoại thận và tiết niệu.(7)	
			<b>Ngoại thần kinh</b>	<b>6</b>	Ngoại thần kinh - sọ não.(6)	
			<b>Nhãn khoa</b>	<b>16</b>	Nhãn khoa.(16)	
			<b>Tai mũi họng</b>	<b>5</b>	Mũi họng(5)	
			<b>Ung thư</b>	<b>6</b>	Ung thư.(6)	
		<b>9A1</b>	<b>Quản lý dược</b>	<b>9</b>	Tổ chức Quản lý dược(9)	
			<b>Sản phụ khoa</b>	<b>29</b>	Sản phụ khoa.(29)	
<b>Y học cổ truyền</b>			<b>5</b>	Y học cổ truyền.(5)		
<b>9B</b>	<b>Nội khoa</b>	<b>19</b>	Nội tiêu hóa(3)	Nội hô hấp(3)	Nội thận - tiết niệu(5)	
	<b>RHM chuyên ngành</b>	<b>17</b>	Nội tim mạch(8) Răng - Hàm - Mặt(17)			
	<b>Tổ chức quản lý y tế</b>	<b>5</b>	Quản lý y tế(5)			

**Thứ tư  
07/10/2020  
Từ 07 giờ  
đến 09 giờ 30**

<b>PHT12A</b>	<b>Da liễu</b>	<b>4</b>	Da liễu.(4)		
	<b>Gây mê hồi sức</b>	<b>4</b>	Gây mê hồi sức.(4)		
	<b>Hồi sức cấp cứu</b>	<b>7</b>	Hồi sức cấp cứu.(7)		
	<b>Huyết học</b>	<b>1</b>	Huyết học.(1)		
	<b>Lao</b>	<b>8</b>	Lao.(8)		
	<b>Lão khoa</b>	<b>5</b>	Lão khoa.(5)		
	<b>Nhi khoa</b>	<b>25</b>	Nhi - Sơ sinh.(5) Nhi - Tim mạch.(1)	Nhi - Tiêu hóa.(4) Nhi - Hồi sức(9)	Nhi - Hô hấp.(3) Nhi: Huyết học - Ung bướu(3)
	<b>Nội tiết</b>	<b>6</b>	Nội tiết.(6)		
	<b>Tâm thần</b>	<b>1</b>	Tâm thần.(1)		
	<b>Thần kinh</b>	<b>3</b>	Thần kinh.(3)		
	<b>Truyền nhiễm</b>	<b>1</b>	Truyền nhiễm.(1)		
<b>Y học gia đình</b>	<b>2</b>	Y học gia đình.(2)			
<b>4A</b>	<b>Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa - ngoại khoa</b>	<b>77</b>	Điều dưỡng(77)		
<b>4B</b>	<b>Dược liệu</b>	<b>17</b>	Dược liệu - Dược học cổ truyền(17)		
	<b>Pháp chế dược và Kinh tế dược</b>	<b>64</b>	Tổ chức Quản lý dược(64)		
<b>4C</b>	<b>Bào chế - CND</b>	<b>48</b>	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(48)		
	<b>Hóa phân tích – KN</b>	<b>38</b>	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(38)		
<b>4D</b>	<b>Phục hồi chức năng</b>	<b>19</b>	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(19)		
	<b>Xét nghiệm y học</b>	<b>67</b>	Kỹ thuật xét nghiệm y học(67)		
<b>5A</b>	<b>Nội khoa (Tổng hợp)</b>	<b>117</b>	Nội khoa.(70) Tâm thần.(7)	Huyết học và truyền máu.(11) Nội tiết.(13)	Thần kinh.(16)

<b>Thạc sĩ</b>	<b>5B</b>	<b>Gây mê hồi sức</b>	<b>15</b>	Gây mê hồi sức.(15)		
		<b>Nội khoa (Tổng hợp)</b>	<b>111</b>	Lão khoa.(19)	Da liễu.(92)	
	<b>5C</b>	<b>Bệnh học và điều trị kết hợp YHCT</b>	<b>28</b>	Y học cổ truyền.(28)		
		<b>Bệnh truyền nhiễm và CBND (Tổng hợp)</b>	<b>17</b>	Truyền nhiễm.(12)	Lao.(5)	
		<b>Nhi khoa</b>	<b>41</b>	Nhi khoa.(41)		
	<b>5D</b>	<b>Khoa học y sinh (Tổng hợp)</b>	<b>22</b>	Giải phẫu bệnh.(10)	Mô phôi.(2)	Hóa sinh.(5)
		<b>Tổ chức quản lý y tế (YTCC)</b>	<b>35</b>	Sinh lý học.(1)	Giải phẫu học.(4)	
		<b>Y tế công cộng</b>	<b>27</b>	Y tế công cộng.(35)		
	<b>6A</b>	<b>Ngoại khoa</b>	<b>128</b>	Ngoại khoa.(29)	Ngoại - nhi.(7)	Ngoại thần kinh - sọ não.(17)
				Ngoại - lồng ngực.(14)	Ngoại thận và tiết niệu.(18)	Chấn thương chỉnh hình.(43)
	<b>6B</b>	<b>Chẩn đoán hình ảnh</b>	<b>37</b>	Chẩn đoán hình ảnh.(37)		
		<b>Nhãn khoa</b>	<b>41</b>	Nhãn khoa.(41)		
		<b>Tai mũi họng</b>	<b>49</b>	Tai - Mũi - Họng.(49)		
	<b>6D</b>	<b>Sản phụ khoa</b>	<b>67</b>	Sản phụ khoa.(67)		
		<b>Ung thư</b>	<b>16</b>	Ung thư.(16)		
	<b>9A2</b>	<b>RHM tổng quát</b>	<b>32</b>	Răng - Hàm - Mặt(32)		
	<b>GD1</b>	<b>Dược lý và Dược lâm sàng</b>	<b>76</b>	Dược lý và dược lâm sàng(76)		
	<b>GD2</b>		<b>75</b>	Dược lý và dược lâm sàng(75)		

<b>Thứ tư 07/10/2020</b>	<b>Bác sĩ nội trú</b>	<b>7A</b>	<b>Môn 4 (Nhi khoa)</b>	<b>120</b>	Hệ nội(120)
		<b>7B</b>	<b>Môn 4 (Sản phụ khoa)</b>	<b>134</b>	Hệ ngoại(135)
		<b>7C</b>	<b>Môn 4 (Nội y học cổ truyền)</b>	<b>16</b>	Y học cổ truyền.(16)
			<b>Môn 4 (PT trong miệng và hàm mặt)</b>	<b>24</b>	Răng - Hàm - Mặt.(24)
			<b>Môn 4 (Sản phụ khoa)</b>	<b>56</b>	Hệ ngoại(56)
		<b>7D</b>	<b>Môn 4 (Mô phôi)</b>	<b>7</b>	Giải phẫu bệnh(7)
			<b>Môn 4 (Nhi khoa)</b>	<b>75</b>	Hệ nội(75)
		<b>4A</b>	<b>Chẩn đoán hình ảnh</b>	<b>79</b>	Chẩn đoán hình ảnh.(79)
		<b>4B</b>		<b>79</b>	Chẩn đoán hình ảnh.(79)
		<b>4C</b>	<b>Nhi khoa</b>	<b>90</b>	Nhi khoa.(90)
		<b>4D</b>		<b>90</b>	Nhi khoa.(90)
		<b>5A</b>	<b>Sản phụ khoa</b>	<b>142</b>	Sản phụ khoa.(142)
		<b>5B</b>	<b>Da liễu</b>	<b>139</b>	Da liễu.(139)
		<b>5C</b>	<b>Nội khoa</b>	<b>92</b>	Nội khoa.(92)
		<b>5D</b>		<b>93</b>	Nội khoa.(93)
		<b>6A</b>	<b>Chấn thương chỉnh hình</b>	<b>76</b>	Chấn thương chỉnh hình.(76)
			<b>Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ</b>	<b>50</b>	Phẫu thuật tạo hình tái tạo và thẩm mỹ.(50)
		<b>6B</b>	<b>Giải phẫu bệnh</b>	<b>11</b>	Giải phẫu bệnh.(11)
			<b>Ngoại – Lồng ngực</b>	<b>17</b>	Ngoại - lồng ngực.(17)
<b>Ngoại khoa</b>	<b>53</b>		Ngoại khoa.(53)		
<b>Ngoại nhi</b>	<b>8</b>		Ngoại - nhi.(8)		
<b>Ngoại niệu</b>	<b>25</b>		Ngoại thận và tiết niệu.(25)		
<b>Ngoại thần kinh</b>	<b>25</b>		Ngoại thần kinh - sọ não.(25)		

07/10/2020  
 Từ 12 giờ 30  
 đến 15 giờ

**Chuyên khoa  
 cấp I**

<b>6C</b>	<b>Dinh dưỡng</b>	<b>12</b>	Dinh dưỡng.(12)
	<b>Hồi sức cấp cứu</b>	<b>88</b>	Hồi sức cấp cứu.(88)
<b>6D</b>	<b>Gây mê hồi sức</b>	<b>74</b>	Gây mê hồi sức.(74)
	<b>Huyết học</b>	<b>18</b>	Huyết học.(18)
<b>9A1</b>	<b>Nhãn khoa</b>	<b>48</b>	Nhãn khoa.(48)
<b>9A2</b>	<b>Lão khoa</b>	<b>43</b>	Lão khoa.(43)
<b>9B</b>	<b>Tai mũi họng</b>	<b>61</b>	Tai - Mũi - Họng.(61)
<b>9C</b>	<b>Nội tiết</b>	<b>51</b>	Nội tiết.(51)
<b>GD1</b>	<b>Phục hồi chức năng</b>	<b>32</b>	Phục hồi chức năng.(32)
	<b>Thần kinh</b>	<b>36</b>	Thần kinh.(36)
	<b>Truyền nhiễm</b>	<b>27</b>	Truyền nhiễm.(27)
<b>GD2</b>	<b>RHM chuyên ngành</b>	<b>66</b>	Răng - Hàm - Mặt.(66)
	<b>Ung thư</b>	<b>32</b>	Ung thư.(32)
<b>GDA_GPH</b>	<b>Công nghệ dược - Hóa dược - Bào chế</b>	<b>27</b>	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(27)
	<b>Dược lý - Dược lâm sàng</b>	<b>22</b>	Dược lý và dược lâm sàng(22)
	<b>Quản lý dược</b>	<b>16</b>	Tổ chức Quản lý dược(16)
	<b>Tổ chức quản lý y tế</b>	<b>3</b>	Y học dự phòng.(3)
<b>PHT12A</b>	<b>Chăm sóc giảm nhẹ</b>	<b>1</b>	Chăm sóc giảm nhẹ.(1)
	<b>Hóa sinh</b>	<b>3</b>	Hóa sinh.(3)
	<b>Lao</b>	<b>11</b>	Lao.(11)
	<b>Tâm thần</b>	<b>8</b>	Tâm thần.(8)
	<b>Vi sinh</b>	<b>2</b>	Vi sinh y học.(2)
	<b>Y học cổ truyền</b>	<b>38</b>	Y học cổ truyền.(38)
<b>GDB-GPH</b>	<b>Y học gia đình</b>	<b>32</b>	Y học gia đình.(32)

<b>Thứ năm 08/10/2020 Từ 07 giờ đến 09 giờ 30</b>	<b>Bác sĩ nội trú</b>	<b>7A</b>	<b>Môn 2 (Tổng hợp)</b>	<b>120</b>	Hệ nội(120)			
		<b>7B</b>		<b>134</b>	Hệ ngoại(135)			
		<b>7C</b>		<b>96</b>	Hệ ngoại(56)	Y học cổ truyền.(16)	Răng - Hàm - Mặt.(24)	
		<b>7D</b>		<b>82</b>	Hệ nội(75)	Giải phẫu bệnh(7)		
	<b>Thạc sĩ</b>	<b>4A</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>77</b>	Điều dưỡng(77)			
		<b>4B</b>	<b>Hóa hữu cơ</b>	<b>81</b>	Dược liệu - Dược học cổ truyền(17)	Tổ chức Quản lý dược(64)		
		<b>4C</b>		<b>86</b>	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc(48)	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất(38)		
		<b>4D</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>86</b>	Kỹ thuật xét nghiệm y học(67)	Kỹ thuật phục hồi chức năng.(19)		
		<b>5A</b>		<b>126</b>	Nội khoa.(70) Tâm thần.(7) Giải phẫu học.(4)	Huyết học và truyền máu.(11) Hóa sinh.(5)	Thần kinh.(16) Nội tiết.(13)	
		<b>5B</b>		<b>126</b>	Lão khoa.(19)	Da liễu.(92)	Gây mê hồi sức.(15)	
		<b>5C</b>		<b>86</b>	Nhi khoa.(41) Y học cổ truyền.(28)	Truyền nhiễm.(12)	Lao.(5)	
		<b>5D</b>	<b>Dịch tễ học cơ bản</b>	<b>62</b>	Y học dự phòng.(27)	Y tế công cộng.(35)		
		<b>6A</b>	<b>Giải phẫu</b>	<b>13</b>	Giải phẫu bệnh.(10)	Mô phôi.(2)	Sinh lý học.(1)	
		<b>6B</b>		<b>128</b>	Ngoại khoa.(29) Ngoại thần kinh - sọ não.(17)	Ngoại - nhi.(7) Ngoại thận và tiết niệu.(18)	Ngoại - lồng ngực.(14) Chấn thương chỉnh hình.(43)	
		<b>6C</b>		<b>127</b>	Tai - Mũi - Họng.(49)	Nhãn khoa.(41)	Chẩn đoán hình ảnh.(37)	
		<b>6D</b>	<b>Hóa hữu cơ</b>	<b>76</b>	Dược lý và dược lâm sàng(76)			
		<b>9A2</b>	<b>Giải phẫu</b>	<b>83</b>	Sản phụ khoa.(67)	Ung thư.(16)		
		<b>PHT12A</b>	<b>Nha khoa cơ sở</b>	<b>32</b>	Răng - Hàm - Mặt(32)			
		<b>PHT12A</b>	<b>Hóa hữu cơ</b>	<b>75</b>	Dược lý và dược lâm sàng(75)			

<b>Thứ năm 08/10/2020 Từ 12 giờ 30 đến 15 giờ</b>	<b>Chuyên khoa cấp I</b>	<b>4A</b>	<b>Giải phẫu</b>	<b>79</b>	Chẩn đoán hình ảnh.(79)			
		<b>4B</b>		<b>79</b>	Chẩn đoán hình ảnh.(79)			
		<b>4C</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>90</b>	Nhi khoa.(90)			
		<b>4D</b>		<b>90</b>	Nhi khoa.(90)			
		<b>5A</b>	<b>Giải phẫu</b>	<b>142</b>	Sản phụ khoa.(142)			
		<b>5B</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>139</b>	Da liễu.(139)			
		<b>5C</b>		<b>92</b>	Nội khoa.(92)			
		<b>5D</b>		<b>93</b>	Nội khoa.(93)			
		<b>6A</b>	<b>Giải phẫu</b>	<b>126</b>	Chấn thương chỉnh hình.(76)	Phẫu thuật tạo hình tái tạo và thẩm mỹ.(50)		
		<b>6B</b>		<b>139</b>	Ngoại khoa.(53) Ngoại thần kinh - sọ não.(25)	Ngoại - nhi.(8) Ngoại thận và tiết niệu.(25)	Ngoại - lồng ngực.(17) Giải phẫu bệnh.(11)	
		<b>6C</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>88</b>	Hồi sức cấp cứu.(88)			
		<b>6D</b>		<b>92</b>	Gây mê hồi sức.(74)	Huyết học.(18)		
		<b>7A</b>	<b>Giải phẫu</b>	<b>141</b>	Tai - Mũi - Họng.(61)	Nhân khoa.(48)	Ung thư.(32)	
		<b>7B</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>133</b>	Y học cổ truyền.(38) Thần kinh.(36)	Phục hồi chức năng.(32) Truyền nhiễm.(27)		
		<b>7C</b>		<b>37</b>	Dinh dưỡng.(12) Lao.(11)	Chăm sóc giảm nhẹ.(1) Tâm thần.(8)	Hóa sinh.(3) Vi sinh y học.(2)	
				<b>Thống kê y học</b>	<b>3</b>	Y học dự phòng.(3)		
			<b>Tổ chức quản lý y tế</b>	<b>32</b>	Y học gia đình.(32)			
		<b>7D</b>	<b>Nha khoa cơ sở</b>	<b>66</b>	Răng - Hàm - Mặt.(66)			
		<b>9A1</b>	<b>Hóa hữu cơ</b>	<b>65</b>	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc(27)	Dược lý và dược lâm sàng(22)	Tổ chức Quản lý dược(16)	
		<b>9A2</b>	<b>Sinh lý</b>	<b>43</b>	Lão khoa.(43)			
<b>9C</b>	<b>51</b>	Nội tiết.(51)						

**Ghi chú:**

- Thí sinh phải có mặt tại phòng thi đúng ngày giờ quy định:
  - Sáng: 6 giờ 30.
  - Chiều: 12 giờ 30.
- Khi đi thi thí sinh phải mang đủ:
  - Giấy báo dự thi, Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân.